# V. Speaking (trang 98, 99)

**SBT Tiếng Anh lớp 12 trang 98, 99 Unit 8 V. Speaking - Global success**  
**1 (trang 98-99 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to complete each of the following exchanges. Then practise reading them. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để hoàn thành mỗi trao đổi sau đây. Sau đó thực hành đọc chúng.)  
1. Teacher: Did you hear about the wildfires destroying animal habitats in Australia?  
Student: Yes, it's very \_\_\_\_\_\_\_.  
A. exciting  
B. worrying  
C. entertaining  
D. encouraging  
2. Tom: You look sad. \_\_\_\_\_\_\_?  
Sarah: No, but I just read an article about the declining population of polar bears. It's very worrying.  
A. How are you getting on  
B. Has anything happened  
C. How are you  
D. Are you happy  
3. Mia: I'm still working on my speech. And I'm so worried about speaking in front of the whole class.  
Adam: \_\_\_\_\_\_\_  
Mia: Yes, if you could look at my draft, it'd be great. Thanks, Adam.  
A. What's the matter?  
B. Is there anything I can do to help?  
C. You'll be fine.  
D. Do you feel better now?  
4. Jake: \_\_\_\_\_\_\_ You look worried.  
Rachel: My dog's missing. I couldn't sleep last night.  
Jake: I'm sure Rex will come back. He probably was a bit bored and went on a fun adventure.  
A. What's the matter?  
B. You seem upset.  
C. How are you getting on?  
D. Sorry to hear that.  
5. Teacher: Did you go to the animal rescue centre?  
Samantha: Yes, I did. \_\_\_\_\_\_\_to see so many abandoned pets. I think I'lI join their volunteer team.  
A. It was amazing  
B. was nervous  
C. I regret going  
D. It was so sad  
6. Mum: Did you have a good time at the zoo?  
John: Not really. \_\_\_\_\_\_\_ that were kept in cages there. Wild animals shouldn't be forced to live in artificial habitats. It's very cruel.  
A. I was disappointed about the animals  
B. I felt sorry for all the animals  
C. I was scared of the animals  
D. It was interesting in the animals  
7. Ben: I heard you moved house. \_\_\_\_\_\_\_in your new home?  
Jen: I am still unpacking! There's so much to do before the place starts feeling more like home.  
A. What's on your mind  
B. How are you getting on  
C. Has anything happened  
D. What do you think  
8. Rachel: Sorry to hear that you were in hospital. \_\_\_\_\_\_\_  
Peter: Yes, thanks for asking.  
A. What happened?  
B. How are you getting on?  
C. Are you feeling better now?  
D. You look worried.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. B  
  
  
3. B  
  
  
4. A  
  
  
  
  
5. D  
  
  
6. B  
  
  
7. B  
  
  
8. C  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Giáo viên: Các em có nghe nói về vụ cháy rừng phá hủy môi trường sống của động vật ở Úc không?  
Học sinh: Vâng, điều đó rất đáng lo ngại.  
2. Tom: Trông bạn buồn quá. Có chuyện gì xảy ra à?  
Sarah: Không, nhưng tôi vừa đọc một bài báo về số lượng gấu Bắc cực đang suy giảm. Nó rất đáng lo ngại.  
3. Mia: Tôi vẫn đang hoàn thiện bài phát biểu của mình. Và tôi rất lo lắng về việc phải nói chuyện trước cả lớp.  
Adam: Tôi có thể giúp gì được không?  
Mia: Được, nếu bạn có thể xem bản phác thảo của tôi thì thật tuyệt. Cảm ơn, Adam.  
4. Jake: Có chuyện gì thế? Bạn trông có vẻ lo lắng.  
Rachel: Con chó của tôi mất tích. Đêm qua tôi không thể ngủ được.  
Jake: Tôi chắc chắn Rex sẽ quay lại. Có lẽ anh ấy hơi buồn chán và bắt đầu một cuộc phiêu lưu thú vị.  
5. Giáo viên: Em đã đến trung tâm cứu hộ động vật chưa?  
Samantha: Rồi ạ. Thật buồn khi thấy rất nhiều thú cưng bị bỏ rơi. Em nghĩ em sẽ tham gia đội tình nguyện của họ.  
6. Mẹ: Con đi sở thú vui không?  
John: Không hẳn. Con cảm thấy tiếc cho tất cả những con vật bị nhốt trong lồng ở đó. Động vật hoang dã không nên bị buộc phải sống trong môi trường sống nhân tạo. Nó rất tàn nhẫn.  
7. Ben: Tôi nghe nói bạn đã chuyển nhà. Mọi việc ở ngôi nhà mới của bạn thế nào?  
Jen: Tôi vẫn đang dỡ hành lý! Có rất nhiều việc phải làm trước khi nơi này bắt đầu mang lại cảm giác giống như ở nhà hơn.  
8. Rachel: Rất tiếc khi biết bạn đang nằm viện. Bây giờ bạn cảm thấy đỡ hơn chưa?  
Peter: Rồi, cảm ơn vì đã hỏi thăm.  
  
**2 (trang 99 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Talk about the threats facing rhinoceros and propose some solutions. Use the following notes to help you. You can start your talk with the sentence below. (Nói về những mối đe dọa mà tê giác phải đối mặt và đề xuất một số giải pháp. Sử dụng các ghi chú sau đây để giúp bạn. Bạn có thể bắt đầu bài nói của mình bằng câu dưới đây.)  
**Threats facing rhinos and solutions to protect them**  
Rhinoceros are critically endangered animals: the population of all five species of rhinos has declined dramatically.  
**Threats:** habitat loss caused by human activity, poaching for their horns, climate change  
**How to protect rhinos:** restore and preserve habitats, stop poaching, introduce harsher punishment for rhino hunters, encourage community-based conservation programmes that provide alternative livelihoods to local people, run education and awareness campaigns about the importance of rhino conservation  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Những mối đe dọa đối với tê giác và giải pháp bảo vệ chúng**  
Tê giác là loài động vật cực kỳ nguy cấp: số lượng của cả 5 loài tê giác đều giảm đáng kể.  
**Mối đe dọa:** mất môi trường sống do hoạt động của con người, săn trộm để lấy sừng, biến đổi khí hậu  
**Cách bảo vệ tê giác:** khôi phục và bảo tồn môi trường sống, chấm dứt nạn săn trộm, đưa ra hình phạt khắc nghiệt hơn đối với những người săn tê giác, khuyến khích các chương trình bảo tồn dựa vào cộng đồng nhằm cung cấp sinh kế thay thế cho người dân địa phương, thực hiện các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn tê giác  
**Gợi ý:**  
Rhinoceros, one of the oldest and most iconic animal species on the planet, are critically endangered animals. The population of all five species of rhinos has declined dramatically. The threats facing rhinos include habitat loss caused by human activity, poaching to meet the high demand for their horns, and climate change.  
To protect rhinos, it is important to restore and preserve their habitats by reducing deforestation and creating protected areas for the animals. It is also essential to stop poaching by introducing stricter punishments for rhino hunters. Encouraging community- based conservation programmes that provide alternative livelihoods to local people can also help prevent poaching. Additionally, governments and wildlife charity organisations should run education and awareness campaigns about the importance of rhino protection to increase public support for rhino conservation efforts.  
In conclusion, immediate action is required to save rhinos from extinction. By restoring and preserving their habitats, stopping poaching, and increasing public awareness, we can make sure their numbers start to grow.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tê giác, một trong những loài động vật lâu đời nhất và mang tính biểu tượng nhất trên hành tinh, là loài động vật cực kỳ nguy cấp. Số lượng của cả 5 loài tê giác đều giảm đáng kể. Các mối đe dọa mà tê giác phải đối mặt bao gồm mất môi trường sống do hoạt động của con người, săn trộm để đáp ứng nhu cầu cao về sừng của chúng và biến đổi khí hậu.  
Để bảo vệ tê giác, điều quan trọng là phải khôi phục và bảo tồn môi trường sống của chúng bằng cách giảm nạn phá rừng và tạo ra các khu bảo tồn cho động vật. Điều cần thiết là phải chấm dứt nạn săn trộm bằng cách đưa ra các hình phạt nghiêm khắc hơn đối với những người săn tê giác. Khuyến khích các chương trình bảo tồn dựa vào cộng đồng nhằm cung cấp sinh kế thay thế cho người dân địa phương cũng có thể giúp ngăn chặn nạn săn trộm. Ngoài ra, chính phủ và các tổ chức từ thiện động vật hoang dã nên tiến hành các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ tê giác nhằm tăng cường sự ủng hộ của công chúng đối với các nỗ lực bảo tồn tê giác.  
Tóm lại, cần phải hành động ngay lập tức để cứu loài tê giác khỏi nguy cơ tuyệt chủng. Bằng cách khôi phục và bảo tồn môi trường sống của chúng, chấm dứt nạn săn trộm và nâng cao nhận thức cộng đồng, chúng ta có thể đảm bảo số lượng của chúng bắt đầu tăng lên.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 12 sách Global success hay khác:**  
I. Pronunciation (trang 92)  
II. Vocabulary (trang 92, 93, 94)  
III. Grammar (trang 94, 95)  
IV. Reading (trang 96, 97, 98)  
VI. Writing (trang 100, 101, 102)